

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH HÒA BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2017

V/v: Yêu cầu Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Vũ Văn Túc**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vì Văn Muộn**

2. Bà **Đinh Thị Kiều**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thái Bình** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Huyền**, Kiểm sát viên

Ngày 22/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 35/2017/TLST- HNGĐ ngày 25/7/2017 về yêu cầu ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST- HN&GD ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị K- sinh năm 1988, trú tại: Xóm Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Hà Văn T – sinh năm 1984, trú tại: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Ngày 10/7/2017 chị Hà Thị K có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Hà Văn T với nội dung sau:

Năm 2005 chị Hà Thị K và anh Hà Văn T chung sống với nhau với sự tự nguyện, hai gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu cảm vợ chồng hạnh phúc, sau vài năm thì nảy sinh mâu thuẫn, chị K cho rằng trong cuộc sống vợ chồng, anh T không tôn trọng chị, thậm chí còn nhiều lần có hành vi bạo lực với chị, khi có mâu thuẫn được gia đình can ngăn anh T còn đánh cả bố và anh em nhà chị K, làm cho chị luôn phải sống trong lo sợ, không muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa, vì thế mà chị bỏ nhà đi làm ăn xa để tránh xung đột vợ chồng, trong vài năm liền sống ly thân chị thấy anh T không hề có thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, chị K có yêu cầu xin được ly hôn anh T.

Về con chung chị Hà Thị K và anh Hà Văn T có một con chung, tên cháu là Hà Văn Th, sinh ngày 18/01/2006, chị K sẽ thực hiện theo sự lựa chọn của cháu Th, nếu cháu ở với chị thì chị có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu cháu ở với anh T chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 300.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị giải quyết trong vụ án.

Đối với anh Hà Văn T tuy thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa vợ và chồng như trình bày của chị K, nhưng theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ nghiêm trọng như chị K trình bày, bởi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn có vài lần không kiềm chế được anh có tát chị, hành vi này chưa để lại thương tích hay gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của chị K. Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng còn cơ hội để hàn gắn, anh mong muốn chị K suy nghĩ lại, rút yêu cầu ly hôn để cho anh cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh Hà Văn T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn Th, vì lý do chị K đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con chung, hiện tại cháu đang ở với anh, kinh tế gia đình ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu, do vậy anh chưa yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị K và anh T tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án, việc kết hôn là tự nguyện và hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng ở mức độ trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn cơ hội để hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế hôn nhân giữa vợ và chồng chị K anh T cần đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị K được ly hôn anh T là hợp lý.

Về con chung cần áp dụng quy định tại các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo đúng yêu cầu và nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa.

Trách nhiệm về nộp án phí: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải nộp án phí theo quy định.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ các tài liệu mà đương sự cung cấp; qua thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của các đương sự, của Kiểm sát viên.

Hội đồng xét xử nhận định: Chị Hà Thị K và anh Hà Văn T kết hôn với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, hợp pháp; trong quá trình chung sống, anh T thường xuyên rượu chè, có hành vi bạo hành vợ, bỏ bê công việc không tu chí làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình. Tháng 9/2014 khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bố đẻ và anh trai chị K can ngăn thì anh T còn đánh chửi cả bố và anh trai chị, chị K đã bỏ đi làm xa để tránh mặt anh T một thời gian, khi sống ly thân thì cả hai người không còn liên hệ gì với nhau nữa, chị K đi làm ăn xa nhà thì thoảng mới về chị ở luôn nhà bố mẹ đẻ, không thăm hỏi chồng, con nữa.

Quá trình hòa giải anh T dù không mong muốn ly hôn nhưng bản thân anh không tích cực trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng mà thường liên lạc qua điện thoại có lời nói xúc phạm hoặc đe dọa chị và gia đình chị, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên gay gắt, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét hôn nhân giữa chị Hà Thị K và anh Hà Văn T được xác định là hôn nhân hợp pháp, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vẫn thuận hòa, tuy có mâu thuẫn bất hòa, nhưng vẫn trong giới hạn chị K có thể chịu đựng và tha thứ, tuy nhiên trong thời gian dài mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên gay gắt, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Hà Thị K được ly hôn anh Hà Văn T là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị Hà Thị K và anh Hà Văn T có một con chung là cháu Hà Văn Th sinh ngày 18/1/2006. Tại phiên tòa anh Hà Văn T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Văn Th, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của anh T là phù hợp với nguyện vọng của cháu Th nên việc giao cháu Th cho anh Hà Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

Chị Hà Thị K được quyền thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, nghiêm cấm anh T và người thân trong gia đình anh T có hành vi cản trở chị K thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 300.000đ, việc cấp dưỡng nuôi con của chị K là tự nguyện không trái pháp luật, phù hợp với điều kiện kinh tế hiện tại của chị K nên cần chấp nhận.

Về án phí: chị Hà Thị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị K đối với anh Hà Văn T.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

Xử : Cho chị Hà Thị K được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. *Về con chung*: Áp dụng các Điều: 58 ; 81 ; 82 ; 83 Luật hôn nhân và gia đình:

Giao cháu Hà Văn Th sinh ngày 18 tháng 01 năm 2006, cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Chị Hà Thị K cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Hà Văn Th mỗi tháng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hà Văn Th đủ 18 tuổi.

Chị Hà Thị K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị K thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Hà Thị K phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Đà Bắc theo biên lai số: 0000485 ngày 25/7/2017. Chị Hà Thị K còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện Đà
- THA Đ
- Các đương sự,
- UBND xã T,
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Túc